

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2021/HS-PT

Ngày 16 - 4 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Hoàng Nhật Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Đồng - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 981/2020/HSPT ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 61/2020/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đ, (tên gọi khác không), sinh năm 1964; nơi cư trú thôn Giữa, xã B, huyện Th, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo Công giáo; nghề nghiệp nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bích Hoà; trình độ học vấn cử nhân; con ông Nguyễn Đức Th (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); vợ Nguyễn Thị T và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1991); tiền án, tiền sự không; hiện bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Kh, tên gọi khác không, sinh năm 1974; nơi cư trú thôn Mùi, xã B, huyện Th, Thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo

Công giáo; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ học vấn 12/12; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kh; vợ Nguyễn Thị Th và có 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự không; hiện bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn T, tên gọi khác không, sinh năm 1964; nơi cư trú thôn Mùi, xã B, huyện Th, Thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo Công giáo; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ học vấn 07/10; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ng (đã chết); vợ Nguyễn Thị H và có 02 con (con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991); tiền án, tiền sự không; hiện bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Th không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Bị đơn dân sự không kháng cáo: UBND xã B, huyện Th, có ông Nguyễn Thanh V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện Th, Hà Nội đại diện – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Ph, sinh năm 1949; địa chỉ thôn Mùi, xã B, huyện Th, thành phố Hà Nội – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Ph: Bà Nguyễn Thị Yến, sinh 1994; địa chỉ Số 15, ngõ 63 Thượng Thụy, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội – có mặt;

2. Ông Nguyễn Ng, sinh năm 1974; địa chỉ số 14, Ngõ 11, đường Lê Trọng Tấn, phường L, quận Đ, Hà Nội – có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của Ng: Bà Lê Thị Vân A, sinh năm 1979; địa chỉ số 1118H H03E, B21 Khu đô thị Thanh Hà, huyện Th – Hà Nội, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ph và Ng: Ông Trần Văn Đức – Luật sư Công ty luật TNHH Trường Sa – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt

3. Ông Nguyễn V, sinh năm 1976; địa chỉ Thôn Mùi, xã B, huyện Th, thành phố Hà Nội – có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Th1, sinh năm 1984- có mặt;

2. Ông Bùi T1, sinh năm 1975 – vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1966 – vắng mặt

Đều trú tại Thôn Mùi, xã B, huyện Th, thành phố Hà Nội;

4. Anh Nguyễn H, sinh năm 1976- vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn H: Bà Lê Thị Vân Anh, sinh năm 1979;

5. Ông Nguyễn S (con trai Ông Nguyễn Văn S1), sinh năm 1958; địa chỉ số 9, Lô 1A, Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng – có mặt.

6. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Th: (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Th và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân huyện Th thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, do thôn Mùi chưa có nhà văn hóa để làm nơi sinh hoạt chung, thay mặt UBND xã B, ông Bùi H3 – Chủ tịch UBND xã B đã giao Chi bộ, cán bộ thôn Mùi tìm địa điểm để xây dựng nhà văn hóa thôn. Quá trình rà soát tìm vị trí xây dựng, lãnh đạo thôn Mùi nhận thấy: Gia đình ông Nguyễn Ph có hộ khẩu thường trú tại thôn Mùi, xã B, huyện Th - TP Hà Nội, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P688761, cấp ngày 29/10/2004, số sổ 0618, số thửa 70, tờ bản đồ số 05, diện tích 796 m², loại đất ở, phù hợp với việc xây dựng nhà văn hóa. Sau khi được sự nhất trí của Ph, ngày 10/01/2009, Hội nghị quân dân chính thôn Mùi đã nhất trí việc đổi đất đồng Cháy cho gia đình ông Nguyễn Ph để lấy đất nhà Ph xây dựng nhà văn hóa thôn. Sau đó, lãnh đạo thôn đã trích nội dung hội nghị trên và báo cáo trình UBND xã B xem xét.

Ngày 02/3/2009, thay mặt UBND xã B, ông Bùi H3 ký tờ trình số 04/TTr-UBND về việc xin chuyển đổi 796m² trong đó 540m² đất nông nghiệp, 256m² đất chuyên dùng ở khu vực đồng Cháy sang đất ở để thôn Mùi đổi trả đất cho ông Nguyễn Ph, và thôn Mùi lấy đất của Ph xây dựng nhà văn hóa. Xét đề nghị của UBND xã B, ngày 10/6/2009, UBND huyện Th có văn bản số 284/UBND-TNMT với nội dung *“Về chủ trương, UBND huyện nhất trí với đề nghị của UBND xã B về việc đổi đất xây dựng bia tưởng niệm Bác Hồ và nhà văn hóa thôn Mùi. Giao UBND xã B căn cứ vào Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chủ động phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, các ngành, cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.”*

Ngày 21/6/2009 và ngày 22/6/2009, khi chưa hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất, chưa có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền, đại diện UBND xã B, lãnh đạo thôn Mùi và ông Nguyễn Ph đã tự ý thống nhất việc đổi 796m² đất ở của gia đình Ph sang 796m² đất thuộc khu vực rãnh ruộng đồng Cháy. Do thực trạng đất thổ cư của Ph chỉ còn 689m² (Ph đã cho cháu họ Nguyễn D sử dụng 107m² đất), nên lãnh đạo thôn Mùi và Ph thống nhất thỏa thuận: Ph sở hữu 689m² tại đồng cháy (đông giáp ruộng đồng cháy, Tây giáp bờ mương N3, Nam giáp đất ruộng của thôn, Bắc giáp đất ruộng thôn Giũa), thôn sở hữu 107m² tại đồng cháy (Đông giáp ruộng đồng Cháy, Tây giáp bờ mương N3, Nam giáp ruộng của thôn, Bắc giáp đất của Ph)...

Ngày 25/6/2009, ông Bùi H3, ông Nguyễn T5 Bí thư chi bộ, ông Nguyễn T6 - trưởng thôn Mùi, ông Nguyễn T7 – địa chính xã, cùng các ban ngành đoàn thể thôn Mùi và ông Nguyễn Ph thực hiện bàn giao thửa đất ở của gia đình Ph (phần diện tích còn lại sau khi đã trừ diện tích 107m² Ph đã cho ông Nguyễn D) cho thôn Mùi xây dựng nhà văn hóa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P688761 của hộ ông Nguyễn Ph giao cho cán bộ địa chính xã quản lý. Cùng ngày, UBND xã B và đại diện thôn Mùi cũng đã giao cho hộ Ph 796m² ở đồng Cháy, xã B.

Đến năm 2010, trong các cuộc họp toàn dân thôn Mùi, nhiều ý kiến nhân dân không nhất trí việc xây dựng nhà văn hóa trên diện tích đất đã đổi của Ph nữa, mà đề nghị xã phải giải quyết cho thôn diện tích đất rộng hơn để thôn xây dựng nhà văn hóa.

Tại cuộc họp chi bộ thôn Mùi, ngày 14/5/2010, Nguyễn Đ – Chủ tịch UBND xã tham gia và đã có ý kiến *“việc phản đối xây dựng nhà văn hóa ở đất Ph chỉ một số người trong dòng họ. Xã ủng hộ việc xây dựng nhà văn hóa ở đất đã đổi, xã tạo điều kiện giúp thôn bằng cách này hay cách khác thanh lý một số khu đất tạo kinh phí nhưng cốt không có khiếu kiện. Xây dựng nhà văn hóa ở đất thôn đã đổi cho Ph là phù hợp nếu khuôn viên hẹp thôn vận động đổi thêm...”*

Ngày 12/9/2010, tại trụ sở UBND xã B, Chủ toạ là Nguyễn Đ đã làm việc với lãnh đạo thôn Mùi về việc xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non sân gò chùa. Tại cuộc họp, Lãnh đạo thôn Mùi cũng đưa ra ý kiến đề nghị không xây dựng nhà văn hóa thôn Mùi trên diện tích đất của gia đình Ph mà chuyển ra xây dựng tại khu vực cửa Chùa. Kết thúc hội nghị, Thành đã kết luận *“Thống nhất cho thôn quy hoạch nhà văn hóa thôn ra cửa Chùa. Công tác giải phóng mặt bằng thôn tự giải quyết”*

Ngày 13/9/2010, Nguyễn Đ tham gia hội nghị họp nhân dân ở thôn Mùi. Tại cuộc họp, Nguyễn Đ đã nhất trí theo đề xuất nguyện vọng của nhân dân là xây dựng nhà văn hóa ra khu vực cửa chùa, giao cho thôn lên kế hoạch chuyển đổi đất để có diện tích ở cửa chùa xây nhà văn hoá thôn.

Nhận thấy việc V đề nghị chuộc đất như trên sẽ có tiền xây dựng nhà văn hóa thôn, nên Kh đã bàn bạc với Nguyễn T, sinh năm 1964, là Bí thư chi bộ thôn Mùi đưa nội dung trên ra hội nghị chi bộ và hội nghị quân dân chính lấy ý kiến tham khảo của nhân dân. Tuyến nhất trí, nên ngày 21/3/2013, Tuyến tổ chức hội nghị họp quân dân chính để triển khai một số nhiệm vụ của thôn. Tại hội nghị, Kh đưa nội dung xem xét đơn của ông V ra họp bàn và được hội nghị đưa đến thông

nhất cho gia đình ông V chuộc đất, cũng như chấp nhận việc ông V xung quỹ cho thôn với mức là 03 triệu/m².

Ngày 26/3/2013, tại hội nghị kiện toàn chức danh Trưởng thôn Mùi, Kh cũng đưa ra trước hội nghị bàn bạc xem xét giải quyết nội dung đơn đề nghị chuộc đất của ông V và cũng thống nhất *“Nhất trí cho gia đình anh V chuộc lại thửa đất mà thôn đã đổi cho gia đình Ph Hải (thửa đất có diện tích trên 600m²) và nhất trí cho gia đình anh V tự nguyện xung quỹ cho thôn là 3 triệu đồng/1 m². Tiền xung quỹ của gia đình anh V cho thôn giao cho ban lãnh đạo thôn tiếp nhận để sử dụng vào việc xây dựng nhà văn hóa thôn và các công trình phúc lợi trong thôn, khi chưa sử dụng phải gửi vào ngân hàng. Giao cho ban lãnh đạo thôn chịu trách nhiệm tiếp nhận tiền và giao thửa đất cho gia đình anh V sử dụng...”*

Sau các cuộc họp trên, Kh nhiều lần trực tiếp báo cáo bằng miệng với Đ về việc xin UBND xã cho xây dựng nhà văn hóa thôn, nguồn kinh phí xây dựng sẽ lấy từ số tiền V chuộc đất, thì được Đ yêu cầu Kh phải họp bàn kỹ với nhân dân để được sự nhất trí của toàn dân.

Căn cứ kết quả các buổi họp dân, khoảng tháng 5/2013, lãnh đạo thôn Mùi đã tiến hành giao cho V diện tích còn lại của thửa đất số 70 tờ bản đồ số 05 xã B đo đạc năm 1996 sau khi trừ đi diện tích 107m² ông Nguyễn D – cháu Ph sử dụng. Tổng số tiền thôn yêu cầu V nộp là khoảng hơn 2.000.000.000 đồng.

Đến ngày 04/6/2013, V đã nộp cho thôn 500.000.000 đồng, nhưng V không tiếp tục nộp nữa, nên tại các cuộc họp chi bộ thôn Mùi, Tuyền đã yêu cầu Kh đốc việc V trả tiền cho thôn. Sau đó, Kh nhiều lần đến nhà V yêu cầu V trả tiền nhưng V khất do không có tiền và cũng đề nghị thôn tạo điều kiện để V chuyển nhượng một phần thửa đất lấy tiền trả thôn.

Khoảng tháng 10/2013, V tìm được người mua đất là anh Nguyễn Th1, sinh năm 1984, đang thuê trọ tại thôn Mùi, muốn mua đất để ở ổn định. V cùng Thiệp đã đến UBND xã B hỏi về thủ tục chuyển nhượng, thì được Nguyễn Th, là cán bộ địa chính xã B cung cấp: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do Ban địa

chính xã B giữ, đồng thời, Thông cũng hướng dẫn V các quy trình để hoàn thiện hồ sơ, yêu cầu V nộp kèm sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của các thành viên trong hộ Ph và Thiệp. Sau đó, V nộp cho Thông các giấy tờ liên quan đến Nguyễn Th1, Th nhờ Kh lấy các giấy tờ của gia đình Ph.

Sau khi nhận được các giấy tờ cần thiết, Th báo cáo với Đ việc V là người chuộc đất mà gia đình Ph đã đổi cho thôn, do V không có tiền trả thôn để thôn xây dựng nhà văn hoá, nên V muốn chuyển nhượng 120m² đất trong diện tích đất này cho Nguyễn Th1. Thành nhất trí và bảo Th hoàn thiện hồ sơ giấy tờ cho V. Để tiện cho việc hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng đất cho Nguyễn Th1, Thông đã tự tay viết toàn bộ giấy chuyển quyền sử dụng đất, đơn xin tách thửa đất, biên bản xác định mốc giới đất... Kh trực tiếp ký tên của Ph và anh Nguyễn Ng (*con Ph*) vào một sổ tờ trong hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

Đến ngày 07/8/2014, Th hoàn thiện toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng. Ngày 11/8/2014, ông Nguyễn Đ – Nguyên chủ tịch UBND xã ký chứng thực vào hồ sơ chuyển nhượng. Ngày 14/8/2014, hồ sơ được chuyển đến Văn phòng đăng ký QSDĐ UBND huyện Th. Ngày 04/9/2014, văn phòng đăng ký QSDĐ đã hoàn thiện các thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Th1 với tổng diện tích là 120m².

Tính đến ngày 11/4/2015, V đã nộp cho thôn Mùi 950.000.000 đồng, được chia thành 04 lần, các lần đều có giấy biên nhận tiền có chữ ký của V, Kh, Tuyển, cùng các ban ngành đoàn thể trong thôn Mùi. Năm 2016, sau khi có chủ trương của UBND huyện Th về việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn, UBND xã B tiến hành xây dựng nhà văn hóa thôn Mùi từ nguồn kinh phí được cấp. Nguồn tiền do V nộp, không sử dụng xây dựng nhà văn hóa, thôn đã đem gửi ngân hàng. Sau đó, số tiền V nộp và lãi được thôn Mùi sử dụng vào việc mua sắm tài sản sử dụng trong nhà văn hóa (*khoảng 737.500.000 đồng*), xây ngõ Vạc (*200.000.000 đồng*) và còn lại 150.000.000 đồng, đã được thủ quỹ thôn Mùi tiếp tục gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại xã Bình Minh lấy lãi.

Vật chứng: Ngày 01/3/2018, bà Nguyễn Thị B, thủ quỹ thôn Mùi đã nộp số tiền 150.000.000 đồng nêu trên vào tài khoản của Thanh tra huyện Th. Ngày 14/5/2018, UBND xã B đã nộp số tiền 200.000.000 đồng (*tiền xây ngõ Vạc*) vào tài khoản của Thanh tra huyện Th.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra hiện trạng đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, xác định: Trên diện tích đất thôn giao cho V, ngoài Nguyễn Th1 đã xây nhà 03 tầng trên 120m² đất, thì cuối năm 2014, V cũng đã chuyển nhượng 50m² đất cho anh Bùi T1, sinh năm 1975, quê quán thôn Hồng Quang, xã N, tỉnh Nam Định. Năm 2016, V cũng đã chuyển nhượng 57m² cho anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1966, quê quán xã Đồng Tân, huyện Ứng Hoà (*không bao gồm ngõ đi*) nhưng chưa hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng. Hiện anh T1, anh T2 đã xây nhà cấp 4 trên diện tích đất trên. Bản thân V đang sử dụng 339m², trong đó, V đã xây nhà cấp 4 trên diện tích 282m².

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 65 KL/ĐGTS ngày 12/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Th kết luận: *“Đất ở trong thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, nay thuộc thôn Mùi, xã Bích Hoà, huyện Th tại thời điểm theo giá thị trường tháng 6/2013 như sau: (689m² đất x 6.200.000 đồng/m²) = 4.271.800.000 đồng.”*

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03 KL/ĐGTS ngày 09/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Th kết luận: *“Đất ở trong thửa đất số 381, diện tích 120m² (tách từ thửa đất số 70, tờ bản đồ số 05, thuộc thôn Mùi, xã Bích Hoà, huyện Th) tại thời điểm theo giá thị trường tại địa phương tháng 8/2014 như sau: (120m² đất x 6.200.000 đồng/m²) = 744.000.000 đồng.”*

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Th, Nguyễn T khai nhận toàn bộ nội dung vụ án như đã nêu trên. Nguyễn Đ không thừa nhận có hành vi đồng ý với việc thôn cho V chuộc đất. Theo Đ trình bày: Do việc đổi đất giữa Ph và thôn chưa hoàn thành vì chưa có quyết định thu hồi đất của UBND huyện nên việc Đ ký xác nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa Ph và Th1, là đúng quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Th phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s,v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: **Xử phạt: Nguyễn Đ 42 (Bốn hai) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: **Xử phạt: Nguyễn T 36 (Ba sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s,t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015: **Xử phạt: Nguyễn Văn Kh 30 (Ba mươi) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Hủy việc đổi đất và bàn giao đất tại thửa số 70 tờ bản đồ số 05 và khu vực đồng cháy giữa gia đình ông Nguyễn Ph và UBND xã B, thôn Mùi. Về hậu quả pháp lý tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

+ Hủy việc mua bán đất giữa thôn Mùi và Nguyễn V. Buộc Nguyễn V phải trả lại diện tích đất đã nhận tại thửa đất số 70 cho UBND xã B. Buộc UBND xã B phải hoàn trả cho Nguyễn V số tiền 406.657.000 đồng chi mua sắm vật dụng, trang thiết bị nhà văn hóa thôn Mùi. Buộc các bị cáo Đ, T, Kh, Th và Nguyễn V cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với số tiền 193.343.000 đồng chi phục vụ các công việc trong thôn và khánh thành nhà văn hóa. Mỗi bị cáo phải hoàn trả cho Nguyễn V 38.668.600 đồng.

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 120 m² đất tại thửa đất số 70 tờ bản đồ số 05 thuộc thôn Mùi, xã B giữa hộ ông Nguyễn Ph và anh Nguyễn Th1. Về hậu quả pháp lý tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Kiến nghị UBND huyện Th thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BS085240 và số BSS085239 ngày 04/9/2014 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ph và anh Nguyễn Th1.

+ Hủy việc mua bán đất tại thửa số 70, tờ bản đồ số 5 giữa anh Nguyễn V và anh Nguyễn Văn T2. Hai bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Th; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2019, bị cáo Nguyễn Đ có đơn kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội;

Ngày 06/11/2019, bị cáo Nguyễn Văn Kh có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo;

Ngày 11/11/2019, bị cáo Nguyễn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 11/11/2019, ông Nguyễn Ph, ông Nguyễn Ng có đơn kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự đề nghị hủy bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự để xét xử lại phân trách nhiệm dân sự.

Ngày 12/11/2019, ông Nguyễn V có đơn kháng cáo cho rằng việc ông mua đất là đúng và không sai, việc bản án sơ thẩm buộc ông chịu án phí dân sự sơ thẩm ; việc bản án sơ thẩm buộc ông chịu án phí và khoản tiền 38.668.6000 đồng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Tuyên, Kh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Thành thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị hủy bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự để giải quyết lại đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn nhận tội. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Nguyễn T, Nguyễn Th; lời khai của những người liên quan; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Đ – Nguyễn là Chủ tịch UBND xã Bích Hoà, là người chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, mặc dù biết việc thôn Mùi tổ chức họp bàn bán đất trái phép, nhưng bị cáo không có chỉ đạo xử lý, mà còn hợp thức hoá việc thôn Mùi bán đất bằng việc ký xác nhận hồ sơ chuyển quyền sử dụng 120m² đất do ông Nguyễn Ph đứng tên cho Nguyễn Th1, gây thiệt hại 4.271.800.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Thành để xử phạt bị cáo mức án 42 tháng tù là phù hợp không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn T và Nguyễn Văn Kh, thấy: Bị cáo Nguyễn T là Bí thư chi bộ thôn Mùi, bị cáo buộc phải nhận thức được cơ quan nào có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, nhưng bị cáo đã chủ trì các cuộc họp chi bộ, chấp thuận đưa nội dung bán đất ra trước cuộc họp chi bộ, cũng như chỉ đạo bị cáo Kh đưa nội dung bán đất ra trước cuộc họp nhân dân để vận động, thuyết phục nhân dân thôn Mùi bán cho gia đình Nguyễn V.

Bị cáo Nguyễn Văn Kh là trưởng thôn Mùi, chủ trì các cuộc họp thôn để tạo điều kiện cho Nguyễn V chuộc đất, nhận tiền, đôn đốc V trả tiền để lấy kinh phí cho thôn Mùi chi tiêu các hoạt động trong thôn. Đồng thời, còn thực hiện việc giả chữ ký của Ph, Ng để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng 120m² đất cho Nguyễn Th1.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo với mức án dưới khung hình phạt là phù hợp và đã có sự chiếu cố, xem xét. Do tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên không thể cho các bị cáo được hưởng án treo như yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm tuyên hủy việc đổi đất giữa Ph và Ủy ban nhân dân xã B; hủy các giao dịch dân sự và giành quyền khởi kiện vụ án dân sự về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình Ph, và các cá nhân khác; để giải quyết vụ án về phần trách nhiệm dân sự cần phải đưa Ủy ban nhân dân huyện Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; cần xác minh làm rõ diện tích đất hiện nay gia đình Ph đang quản lý (phần diện tích đổi cho Ủy ban nhân dân xã B) Ủy ban nhân dân huyện Th quy hoạch là đất gì? Nếu đã quy hoạch là đất ở và đất thương mại thì kiến nghị UBND xã B và UBND huyện Th làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Ph theo quy định của pháp luật; phần diện tích đất gia đình Ph đã đổi cho UBND xã B giao cho UBND huyện Th giải quyết theo thẩm quyền. Với những lý do trên, đề nghị Hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại .

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ph và Ng trình bày luận cứ đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đề điều tra xét xử lại, với các lý do:

+ Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Diện tích đất thổ cư của gia đình Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình Ph, nhưng khi đổi đất và quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đưa tất các thành viên của hộ gia đình Ph (gồm 6 người) vào tham gia tố tụng là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình Ph. Mặt khác, hành vi phạm tội của các bị cáo có liên quan đến quyền sử dụng đất (chuyển đổi đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất) nhưng cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án

không đưa Ủy ban nhân dân huyện Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là thiếu người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, cụ thể liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Th1 có trách nhiệm của cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Th đã thiếu trách nhiệm, không thẩm định kỹ hồ sơ dẫn đến việc Ủy ban nhân dân huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Th1 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình Ph; nếu cán bộ của Phòng tài nguyên môi trường làm hết trách nhiệm thì sẽ phát hiện được việc các bị cáo trình hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Th1 là không đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn nhận tội. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo; lời khai của những người liên quan; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tìm địa điểm xây dựng nhà văn hoá thôn Mùi, tháng 6/2009, UBND xã B và thôn Mùi đã tổ chức nhiều cuộc họp thôn, thống nhất việc đổi 789m² đất nông nghiệp khu vực Đồng Cháy, xã B lấy 789m² đất ở đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Ph để xây dựng nhà văn hoá thôn Mùi. Do thực trạng đất thổ cư của Ph chỉ còn 689m² (Ph đã cho cháu họ Nguyễn D sử dụng 107m² đất), nên lãnh đạo thôn Mùi và Ph thống nhất thỏa thuận chỉ đổi cho Ph 689m² tại đồng cháy, còn 107m² tại đồng cháy thì thuộc quyền quản lý của thôn.

Sau khi đổi đất, diện tích đất trên không được sử dụng xây nhà văn hoá nữa, mà để thôn tiếp tục sử dụng, việc xây dựng nhà văn hoá được quy hoạch ra khu vực Cửa Chùa, xã B. Đến tháng 10/2013, để có nguồn kinh phí xây dựng nhà văn hoá thôn Mùi, Nguyễn T – Nguyên là Bí thư chi bộ thôn Mùi, Nguyễn Văn Kh – Nguyên là Trưởng thôn Mùi, tuy biết bản thân không có thẩm quyền bán đất, nhưng đã tổ chức nhiều cuộc họp thôn để bàn bạc, thống nhất bán trái phép diện tích đất mà ông Nguyễn Ph đã đổi cho thôn, xã, cho anh Nguyễn V, thu cho thôn Mùi tổng số tiền 950.000.000 đồng. Nguyễn Đ – Nguyên là Chủ tịch UBND xã Bích Hoà, là người chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, mặc dù biết việc thôn Mùi tổ chức họp bàn bán trái phép diện tích đất trên, không những không có chỉ đạo xử lý, mà còn hợp thức hoá việc thôn Mùi bán đất bằng việc để Nguyễn Th hoàn thiện hồ sơ chuyển quyền sử dụng 120m² đất do ông Nguyễn Ph đứng tên cho Nguyễn Th1 để bị cáo ký duyệt trình Ủy ban nhân dân huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Th1, hậu quả gây thiệt hại 4.271.800.000 đồng. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn Kh về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3, Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy:

Bị cáo Nguyễn Đ – Nguyên là Chủ tịch UBND xã B, là người chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, mặc dù biết việc thôn Mùi tổ chức họp bàn bán đất trái phép, nhưng bị cáo không có chỉ đạo xử lý, mà còn hợp thức hoá việc thôn Mùi bán đất bằng việc ký xác nhận hồ sơ chuyển quyền sử dụng 120m² đất do ông Nguyễn Ph đứng tên cho Nguyễn Th1, gây thiệt hại 4.271.800.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Thành để xử phạt bị cáo mức án 42 tháng tù là cần thiết. Tuy nhiên, Tại cấp phúc thẩm, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đồng cơ phạm tội của bị cáo không có

tư lợi; bị cáo xuất trình tài liệu, theo đó, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo hiện nay sức khỏe yếu. Đây là tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn T và Nguyễn Văn Kh, thấy: Bị cáo Nguyễn T là Bí thư chi bộ thôn Mùi, bị cáo buộc phải nhận thức được cơ quan nào có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, nhưng bị cáo đã chủ trì các cuộc họp chi bộ, chấp thuận đưa nội dung bán đất ra trước cuộc họp chi bộ, cũng như chỉ đạo bị cáo Kh đưa nội dung bán đất ra trước cuộc họp nhân dân để vận động, thuyết phục nhân dân thôn Mùi bán cho gia đình Nguyễn V.

Bị cáo Nguyễn Văn Kh là trưởng thôn Mùi, chủ trì các cuộc họp thôn để tạo điều kiện cho Nguyễn V chuộc đất, nhận tiền, đôn đốc V trả tiền để lấy kinh phí cho thôn Mùi chi tiêu các hoạt động trong thôn. Đồng thời, còn thực hiện việc giả chữ ký của Ph, Ng để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng 120m² đất cho Nguyễn Th1.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo với mức án dưới khung hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo T đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét các bị cáo phạm tội không vì tư lợi, mà vì cộng đồng dân cư; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự, thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Năm 2008, do thôn Mùi chưa có nhà văn hóa để làm nơi sinh hoạt chung, UBND xã B đã giao Chi bộ, cán bộ thôn Mùi tìm địa điểm để xây dựng nhà văn hóa thôn. Quá trình rà soát tìm vị trí xây dựng, lãnh đạo thôn Mùi thấy gia đình ông Nguyễn Ph có hộ khẩu thường trú tại thôn Mùi, xã B, huyện Th - TP Hà Nội, có diện tích 796 m², loại đất ở, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P688761, cấp ngày 29/10/2004, số sổ 0618, số thửa 70, tờ bản đồ số 05, phù hợp với việc xây dựng nhà văn hóa. Sau khi được sự nhất trí của Ph, ngày 10/01/2009, Hội nghị quân dân chính thôn Mùi đã nhất trí việc đổi đất đồng Cháy cho gia đình ông Nguyễn Ph để lấy đất nhà Ph xây dựng nhà văn hóa thôn. Sau đó, lãnh đạo thôn đã trích nội dung hội nghị trên và báo cáo trình UBND xã B xem xét.

Ngày 02/3/2009, UBND xã B có tờ trình số 04/TTr-UBND về việc xin chuyển đổi 796m² trong đó 540m² đất nông nghiệp, 256m² đất chuyên dùng ở khu vực đồng Cháy sang đất ở để thôn Mùi đổi trả đất cho gia đình ông Nguyễn Ph, và thôn Mùi lấy đất của Ph xây dựng nhà văn hóa. Xét đề nghị của UBND xã B, ngày 10/6/2009, UBND huyện Th có văn bản số 284/UBND-TNMT với nội dung *“Về chủ trương, UBND huyện nhất trí với đề nghị của UBND xã B về việc đổi đất xây dựng bia tưởng niệm Bác Hồ và nhà văn hóa thôn Mùi. Giao UBND xã B căn cứ vào Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chủ động phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, các ngành, cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.”*

Như vậy, về chủ trương, Ủy ban nhân dân huyện Th đã đồng ý cho việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nêu trên; Ủy ban nhân dân xã B và các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân huyện Th không hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Phúc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt là trách nhiệm của UBND xã B và các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân huyện Th, hộ gia đình Ph không có lỗi. Tại phiên tòa, đại diện Ủy ban nhân dân

xã B trình bày diện tích đất Ủy ban nhân dân xã B chuyển đổi cho hộ gia đình Ph mà hiện nay gia đình Ph đang quản lý, sử dụng đã được quy hoạch là đất ở; trong khi cơ quan có thẩm quyền xác định quy hoạch diện tích đất nêu trên, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất của gia đình Ph là UBND huyện Th vắng mặt tại phiên tòa nên không thể làm rõ ngay tại phiên tòa. Mặt khác, hành vi phạm tội của các bị cáo có liên quan đến quyền sử dụng đất của một số đương sự trong vụ án mà theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện Th là người có thẩm quyền về quản lý đất đai tại địa phương (có thẩm quyền phê duyệt việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phê duyệt hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất...). để giải quyết vụ án về phần trách nhiệm dân sự đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự trong vụ án, cần đưa Ủy ban nhân dân huyện Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng Bản án sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện Th vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm về phần dân sự; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí: Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Về hình sự:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s,v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Đ 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 356, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Văn Kh 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo T, Kh về Ủy ban nhân dân xã B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

II. Về dân sự: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần dân sự. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần dân sự theo thủ tục chung.

III. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đ, Nguyễn T, Nguyễn Văn Kh, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 16/4/2021.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Th, HN;
- Công an huyện Th, HN;
- TAND huyện Th, HN;
- Chi cục THADS huyện Th, HN;
- UBND xã B, huyện Th;
- Bị cáo;
- Bị đơn dân sự;
- Lưu HSVÀ; VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Quang